BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Kinh doanh thương mại
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Kinh doanh thương mại
Mã số: 7340121
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)
(Áp dụng đối với khóa 18)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về kinh doanh thương mại, thương mại điện tử, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các công việc chuyên môn lĩnh vực kinh doanh thương mại bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại trong bối cảnh nền kinh tế số.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của lĩnh vực kinh doanh thương mại để thực hiện, thiết kế, vận hành, đánh giá/cải tiến hoạt động kinh doanh thương mại trong nền kinh tế, đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp, đơn vị, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.

PO3: Ứng dụng hiệu quả năng lực số, vận dụng tư duy phản biện, phát huy khả năng làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề phức tạp trong hoạt động kinh doanh thương mại.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu, mô hình hóa và đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động kinh doanh thương mại.

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh doanh thương mại có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại tại doanh nghiệp, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện các quy trình nghiệp vụ chuyên môn ngành kinh doanh thương mại trong doanh nghiệp, tuân thủ các nguyên lý chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế để tổ chức hoạt động kinh doanh**	**3**
		PI 2.1 Áp dụng các nguyên lý kinh tế học trong lĩnh vực kinh doanh để đánh giá các tác động của các yếu tố thị trường đến cung cầu hàng hóa và dịch vụ	3
		PI 2.2 Áp dụng kiến thức về khoa học quản lý và marketing để giải quyết các vấn đề về tổ chức bộ máy và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp	3
3	**PLO3**	Áp dụng hệ thống kiến thức cốt lõi về quản lý kinh doanh, nghiệp vụ kinh doanh thương mại để tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh hiệu quả.	**3**
		PI 3.1. Áp dụng các kiến thức về quản lý kinh doanh để tổ chức hoạt động kinh doanh một cách tối ưu.	3
		PI 3.2. Áp dụng các kiến thức về nghiệp vụ kinh doanh thương mại để tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh hiệu quả	3
4		**Định hướng đào tạo:Kinh doanh thương mại (modul 1)**	

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
	PLO4.01	Phân tích chuyên sâu và đề xuất các giải pháp quản lý trong lĩnh vực kinh doanh thương mại	**4**
		PI 4.1.01: Xây dựng kế hoạch chuẩn bị nguồn hàng, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp để đáp ứng yêu cầu thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp	4
		PI 4.2.01: Phân tích các kiến thức về tiếp thị thương mại, phát triển quan hệ khách hàng để cải tiến các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	4
		Định hướng đào tạo:Thương mại điện tử (modul 2)	
	PLO4.02	Phân tích chuyên sâu và đề xuất các giải pháp quản lý trong lĩnh vực thương mại điện tử	**4**
		PI 4.1.02: Xây dựng kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử, đề xuất giải pháp tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động quản trị bán lẻ điện tử	4
		PI 4.2.02: Thiết kế và sử dụng hiệu quả các công cụ kinh doanh hiện đại trong lĩnh vực thương mại điện tử	4
		Định hướng đào tạo: Kinh doanh quốc tế (modul 3)	
	PLO4.03	Phân tích chuyên sâu và đề xuất các giải pháp quản lý trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế	**4**
		PI 4.1.03: Xây dựng kế hoạch kinh doanh quốc tế, đề xuất giải pháp tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế	4
		PI 4.2.03: Phân tích môi trường kinh doanh quốc tế, các nghiệp vụ trong kinh doanh quốc tế để đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.	4
		Định hướng đào tạo: Luật thương mại (modul 4)	
	PLO4.04	Phân tích các kiến thức về pháp luật thương mại trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng đúng các quy định hiện hành của nhà nước	**4**
		PI 4.1.04: Phân tích các quy phạm pháp luật về cạnh tranh, về môi trường để điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 4.2.04: Phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về thuế, hải quan điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật	4
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, tinh thần khởi nghiệp và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM tích hợp năng lực số và trí tuệ nhân tạo (AI) vào việc xây dựng phương án giải quyết các nghiệp vụ kinh doanh.	3
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo các** phần mềm chuyên dụng về quản lý bán hàng, quản lý nguồn lực doanh để thực hiện và tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	Thực hiện thành thạo việc đánh giá, phân tích, thực tế kinh doanh để đề xuất các giải pháp cải tiến hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 8.1: Phân tích dữ liệu và bối cảnh kinh doanh để xác định nguyên nhân các vấn đề phát sinh trong kinh doanh làm cơ sở để đề xuất các giải pháp cải tiến hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	3
		PI 8.2 Xây dựng kế hoạch kinh doanh, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	3
9	**PLO9**	**Tổ chức thực hiện các hoạt động bán hàng, hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại**	**3**
		PI 9.1: Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ bán hàng nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	3
		PI 9.2: Thực hiện thành thạo kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh doanh, tổ chức thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp thương mại.	3
		Định hướng đào tạo: Kinh doanh thương mại (modul 1)	
10	**PLO10.01**	**Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực kinh doanh thương mại**	**4**
		PI 10.1.01: Thực hiện thành thạo các kỹ năng hoạch định kinh doanh, đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp, và đàm phán hợp đồng mua hàng trong kinh doanh thương mại	4
		PI 10.2.01: Vận hành thành thạo các nghiệp vụ kinh doanh trong thương mại điện tử, quản lý tài chính trên các nền tảng công nghệ hiện đại.	4
		Định hướng đào tạo: Thương mại điện tử (modul 2)	
	PLO10.02	**Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực thương mại điện tử**	**4**
		PI 10.1.02: Thực hiện thành thạo các kỹ năng thiết kế và triển khai công cụ kinh doanh hiện đại	4
		PI 10.2.02: Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ kinh doanh trong thương mại điện tử, các kỹ năng bán hàng, thanh toán trên các nền tảng công nghệ hiện đại.	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		Định hướng đào tạo: Kinh doanh quốc tế (modul 3)	
	PLO10.03	**Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực kinh doanh quốc tế**	**4**
		PI 10.1.03: Thực hiện thành thạo các kỹ năng hoạch định, quản lý rủi ro và đàm phán hợp đồng kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế	4
		PI 10.2.03: Vận hành thành thạo các kỹ năng xây dựng và phát triển thương hiệu trong môi trường kinh doanh quốc tế	4
		Định hướng đào tạo: Luật thương mại(modul 4)	
	PLO10.04	**Giải quyết các sự kiện pháp lý phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan đến các qui định tại luật cạnh tranh, luật mô trường, luật thuế, luật hải quan hiện hành**	**4**
		PI 10.1.04: Giải quyết tốt các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh đảm bảo tuân thủ các quy định về Pháp luật cạnh tranh, về môi trường	4
		PI 10.2.04: Giải quyết các sự kiện pháp lý phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan đến các qui định tại luật thuế, luật hải quan	4
Mức tự chủ trách nhiệm			
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, và an toàn lao động trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI 12.2. Chịu trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

+ Quản trị viên thương mại, vị trí trong bộ phận kinh doanh, quản lý kinh doanh, quản lý khách hàng, điều hành kinh doanh, kinh doanh xuất nhập khẩu, phát triển thị trường, bộ phận kho vận;

+Làm tại các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Quản lý và giám sát bán hàng, bộ phận nghiên cứu và phát triển;

+Chuyên viên kinh doanh tại các công ty đa quốc gia; Chuyên viên tại các công ty kinh doanh ngoại tệ; Chuyên viên phụ trách các nhãn hàng quốc tế

Nhóm 2: Làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước:

+ Làm tại các cơ quan đại diện thương mại Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức thương mại quốc tế: Bộ phận phát triển thương mại quốc tế, tham tán thương mại, tùy viên thương mại;

+ Làm tại các cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương và địa phương: Làm ở các vị trí như hoạch định chính sách thương mại, quản lý khối các doanh nghiệp thương mại

Nhóm 3: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu: Làm tại các viện nghiên cứu các trường đại học, cao đẳng: Giảng dạy và nghiên cứu các lĩnh vực thương mại.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**											
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về kinh doanh thương mại, thương mại điện tử, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các công việc chuyên môn lĩnh vực kinh doanh thương mại bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại trong bối cảnh nền kinh tế số.	X											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của lĩnh vực kinh doanh thương mại để thực hiện, thiết kế, vận hành, đánh giá/cải tiến hoạt động kinh doanh thương mại trong nền kinh tế, đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp, đơn vị, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.		X	X	X								
PO3	Có khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả; đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường làm việc đa dạng và số hóa.					X	X	X					

PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu, mô hình hóa và đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động kinh doanh thương mại.								X	X	X		
PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											X	X

UNETI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *57 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *32 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT,TH/TL,Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**6**		
002967	1.Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHUD	1	(15, 0, 30)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
002378	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUD	3	(39, 12, 90)	x
001102	3. Xác suất thống kê	KHUD	3	(39, 12, 90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002129	1. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
002151	2. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
002239	3. Kỹ năng nghề nghiệp - KDTM	TM	1	(15, 0, 30)	x
002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHUD	1	(15, 0, 30)	
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**31**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		***21***		
000564	26. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	27. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000681	28. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001201	29. Quản trị học	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001337	30. Luật thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
001269	31. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001334	32. Kinh tế thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
001109	33. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	2.1.2. Kiến thức tự chọn: Chọn 4 trong các học phần		***10***		
	Tự chọn 1(Chọn 1 học phần)				
001717	33a. Kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(39,12,90)	x
001104	33b. Marketing căn bản	QT&Mar	3	(39, 12, 90)	x
	Tự chọn 2(Chọn 1 học phần)				
000456	34a. Kinh tế đầu tư	TM	2	(26,8,60)	
000566	34b. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26,8,60)	x
	Tự chọn 3(Chọn 1 học phần)				
000563	35b. Kinh tế quốc tế	TM	2	(26,8,60)	
000519	35b. Văn hóa Kinh doanh	TM	2	(26, 8, 60)	x
	Tự chọn 4 (Chọn 1 học phần)				
001423	36a. Quản lý quan hệ khách hàng	TM	3	(39,12,90)	
001714	36b. Quản trị doanh nghiệp thương mại	TM	3	(39,12,90)	
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		**42**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**30**		
001390	37. Kỹ thuật dự báo thị trường	TM	3	(39,12,90)	x
002373	38. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	TM	2	(0,60,60)	x
003476	39. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(39,12,90)	x
001370	40. Quản trị chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
003284	41. Nghiệp vụ bán hàng	TM	2	(26,8,60)	x
001388	42. Quản trị tài chính trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
001389	43. Phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
001288	44. Thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
002691	45. Thực hành phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM	TM	2	(0,60,60)	x
003477	46. Thực hành nghiệp vụ XNK_TM	TM	3	(0,90,90)	x
003285	47. Thực hành nghiệp vụ bán hàng	TM	3	(0,90,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong các học phần)		**12**		
	Tự chọn 1 (Chọn 1 học phần)				
001715	48a. Hệ thống thông tin quản lý	QT&MAR	3	(39,12,90)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001699	48b. Phát triển hệ thống thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	
	Tự chọn 2 (Chọn 1 học phần)				
001116	49a. Phân tích tài chính doanh nghiệp	QT&MAR	3	(39,12,90)	
002061	49b. Nghiệp vụ hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 3 (Chọn 1 học phần)				
001713	50a. Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	QT&MAR	3	(39,12,90)	
002690	50b. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 4 (Chọn 1 học phần)				
001387	51a. Tin ứng dụng trong KDTM	TM	3	(0,90,90)	x
003286	51b. Thực hành quản trị doanh nghiệp thương mại	TM	*3*	(0,90,90)	
	Tự chọn 5 (Chọn 1 học phần)				
001475	52a. Logistics	TM	3	(39,12,90)	x
002354	52b. Quản trị kho	TM	3	(39,12,90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Modun)*		***25***		
	2.3.1. ***Modun 1****: Kinh doanh thương mại*		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		***22***		
001707	53a. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong DNTM	TM	2	(0,120,0)	x
003287	54a. Quản lý mua hàng	TM	3	(39,12,90)	x
003288	55a. Tiếp thị thương mại	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		***3***		
001425	56a1. Thực hành Quản trị tài chính trong DNTM	TM	3	(0,90,90)	x
003289	56a2. Thực hành quản lý quan hệ KH	TM	3	(0,90,90)	
001877	**57a. Thực Tập Cuối Khóa**	TM	5	(0/300/0)	x
001875	**58a. Khóa luận tốt nghiệp**	TM	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003290	59a. CĐ1: Kinh doanh số	TM	3	(39,12,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
003292	60a. CĐ2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
003291	61a. CĐ3: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	*2.3.2. **Modun 2**: Thương mại điện tử*		**25**		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		***22***		
002084	53b. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh TMĐT	TM	2	(0,120,0)	x
002692	54b. Quản trị bán lẻ điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
001702	55b. Thanh toán điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		***3***		
001703	56b1. Khai thác dữ liệu trên mạng Internet	TM	3	(39,12,90)	x
001602	56b2. Logistics trong thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	
001877	**57b. Thực Tập Cuối Khóa**	TM	5	(0/300/0)	x
001875	**58b. Khóa luận tốt nghiệp**	TM	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003290	59b. CĐ1: Kinh doanh số	TM	3	(39,12,90)	x
003292	60b. CĐ2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
003291	61b. CĐ3: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	*2.3.1. **Modun 3**: Kinh doanh quốc tế*		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		**22**		
002369	53c. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	TM	2	(0,120,0)	x
002440	54c. Kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
002060	55c. Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		**3**		
003293	56c1. Thực hành nghiệp vụ TTQT	TM	3	(39,12,90)	x

002415	56c2. Quản lý rủi ro trong kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	
001877	**57c. Thực Tập Cuối Khóa**	TM	5	(0/300/0)	x
001875	**58c. Khóa luận tốt nghiệp**	TM	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003290	59c. CĐ1: Kinh doanh số	TM	3	(39,12,90)	x
003292	60c. CĐ2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
003291	61c. CĐ3: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1. ***Modun 4****: Luật thương mại*		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		**22**		
003294	53d. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	TM	2	(0,120,0)	x
003295	54d. Luật cạnh tranh	TM	3	(39,12,90)	x
003296	55d. Pháp luật hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		**3**		
003297	56d1. Luật môi trường	TM	*3*	(0,90,90)	
003298	56d2. Luật thuế	TM	3	(0,90,90)	x
001877	**57d. Thực Tập Cuối Khóa**	TM	5	(0/300/0)	x
001875	**58d. Khóa luận tốt nghiệp**	TM	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	59d. CĐ1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(39,12,90)	x
003299	60d. CĐ2: Thuế và nghiệp vụ hải quan của doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
003291	61d. CĐ3: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.

✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
  - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Kinh doanh thương mại
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Kinh doanh thương mại
Mã số: 7340121
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)
(Áp dụng đối với khóa 19)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về kinh doanh thương mại, thương mại điện tử, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các công việc chuyên môn lĩnh vực kinh doanh thương mại bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại trong bối cảnh nền kinh tế số.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của lĩnh vực kinh doanh thương mại để thực hiện, thiết kế, vận hành, đánh giá/cải tiến hoạt động kinh doanh thương mại trong nền kinh tế, đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp, đơn vị, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.

PO3: Ứng dụng hiệu quả năng lực số, vận dụng tư duy phản biện, phát huy khả năng làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề phức tạp trong hoạt động kinh doanh thương mại.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu, mô hình hóa và đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động kinh doanh thương mại.

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh doanh thương mại có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại tại doanh nghiệp, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện các quy trình nghiệp vụ chuyên môn ngành kinh doanh thương mại trong doanh nghiệp, tuân thủ các nguyên lý chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế để tổ chức hoạt động kinh doanh**	**3**
		PI 2.1 Áp dụng các nguyên lý kinh tế học trong lĩnh vực kinh doanh để đánh giá các tác động của các yếu tố thị trường đến cung cầu hàng hóa và dịch vụ	3
		PI 2.2 Áp dụng kiến thức về khoa học quản lý và marketing để giải quyết các vấn đề về tổ chức bộ máy và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp	3
3	**PLO3**	Áp dụng hệ thống kiến thức cốt lõi về quản lý kinh doanh, nghiệp vụ kinh doanh thương mại để tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh hiệu quả.	**3**
		PI 3.1. Áp dụng các kiến thức về quản lý kinh doanh để tổ chức hoạt động kinh doanh một cách tối ưu.	3
		PI 3.2. Áp dụng các kiến thức về nghiệp vụ kinh doanh thương mại để tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh hiệu quả	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
4		**Định hướng đào tạo:Kinh doanh thương mại (modul 1)**	
	PLO4.01	Phân tích chuyên sâu và đề xuất các giải pháp quản lý trong lĩnh vực kinh doanh thương mại	**4**
		PI 4.1.01: Xây dựng kế hoạch chuẩn bị nguồn hàng, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp để đáp ứng yêu cầu thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp	4
		PI 4.2.01: Phân tích các kiến thức về tiếp thị thương mại, phát triển quan hệ khách hàng để cải tiến các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	4
		Định hướng đào tạo:Thương mại điện tử (modul 2)	
	PLO4.02	Phân tích chuyên sâu và đề xuất các giải pháp quản lý trong lĩnh vực thương mại điện tử	**4**
		PI 4.1.02: Xây dựng kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử, đề xuất giải pháp tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động quản trị bán lẻ điện tử	4
		PI 4.2.02: Thiết kế và sử dụng hiệu quả các công cụ kinh doanh hiện đại trong lĩnh vực thương mại điện tử	4
		Định hướng đào tạo: Kinh doanh quốc tế (modul 3)	
	PLO4.03	Phân tích chuyên sâu và đề xuất các giải pháp quản lý trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế	**4**
		PI 4.1.03: Xây dựng kế hoạch kinh doanh quốc tế, đề xuất giải pháp tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế	4
		PI 4.2.03: Phân tích môi trường kinh doanh quốc tế, các nghiệp vụ trong kinh doanh quốc tế để đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.	4
		Định hướng đào tạo: Luật thương mại (modul 4)	
	PLO4.04	Phân tích các kiến thức về pháp luật thương mại trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng đúng các quy định hiện hành của nhà nước	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 4.1.04: Phân tích các quy phạm pháp luật về cạnh tranh, về môi trường để điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật	4
		PI 4.2.04: Phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về thuế, hải quan điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật	4
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, tinh thần khởi nghiệp và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM tích hợp năng lực số và trí tuệ nhân tạo (AI) vào việc xây dựng phương án giải quyết các nghiệp vụ kinh doanh.	3
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo các** phần mềm chuyên dụng về quản lý bán hàng, quản lý nguồn lực doanh để thực hiện và tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	Thực hiện thành thạo việc đánh giá, phân tích, thực tế kinh doanh để đề xuất các giải pháp cải tiến hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	**3**
		PI 8.1: Phân tích dữ liệu và bối cảnh kinh doanh để xác định nguyên nhân các vấn đề phát sinh trong kinh doanh làm cơ sở để đề xuất các giải pháp cải tiến hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	3
		PI 8.2 Xây dựng kế hoạch kinh doanh, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	3
9	**PLO9**	**Tổ chức thực hiện các hoạt động bán hàng, hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại**	**3**
		PI 9.1: Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ bán hàng nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	3
		PI 9.2: Thực hiện thành thạo kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh doanh, tổ chức thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp thương mại.	3
		Định hướng đào tạo: Kinh doanh thương mại (modul 1)	
10	**PLO10.01**	**Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực kinh doanh thương mại**	**4**
		PI 10.1.01: Thực hiện thành thạo các kỹ năng hoạch định kinh doanh, đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp, và đàm phán hợp đồng mua hàng trong kinh doanh thương mại	4
		PI 10.2.01: Vận hành thành thạo các nghiệp vụ kinh doanh trong thương mại điện tử, quản lý tài chính trên các nền tảng công nghệ hiện đại.	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		Định hướng đào tạo: Thương mại điện tử (modul 2)	
	PLO10.02	**Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực thương mại điện tử**	**4**
		PI 10.1.02: Thực hiện thành thạo các kỹ năng thiết kế và triển khai công cụ kinh doanh hiện đại	4
		PI 10.2.02: Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ kinh doanh trong thương mại điện tử, các kỹ năng bán hàng, thanh toán trên các nền tảng công nghệ hiện đại.	4
		Định hướng đào tạo: Kinh doanh quốc tế (modul 3)	
	PLO10.03	**Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực kinh doanh quốc tế**	**4**
		PI 10.1.03: Thực hiện thành thạo các kỹ năng hoạch định, quản lý rủi ro và đàm phán hợp đồng kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế	4
		PI 10.2.03: Vận hành thành thạo các kỹ năng xây dựng và phát triển thương hiệu trong môi trường kinh doanh quốc tế	4
		Định hướng đào tạo: Luật thương mại(modul 4)	
	PLO10.04	**Giải quyết các sự kiện pháp lý phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan đến các qui định tại luật cạnh tranh, luật mô trường, luật thuế, luật hải quan hiện hành**	**4**
		PI 10.1.04: Giải quyết tốt các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh đảm bảo tuân thủ các quy định về Pháp luật cạnh tranh, về môi trường	4
		PI 10.2.04: Giải quyết các sự kiện pháp lý phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan đến các qui định tại luật thuế, luật hải quan	4
Mức tự chủ trách nhiệm			
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**
		PI 12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, và an toàn lao động trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI 12.2. Chịu trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

+ Quản trị viên thương mại, vị trí trong bộ phận kinh doanh, quản lý kinh doanh, quản lý khách hàng, điều hành kinh doanh, kinh doanh xuất nhập khẩu, phát triển thị trường, bộ phận kho vận;

+Làm tại các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Quản lý và giám sát bán hàng, bộ phận nghiên cứu và phát triển;

+Chuyên viên kinh doanh tại các công ty đa quốc gia; Chuyên viên tại các công ty kinh doanh ngoại tệ; Chuyên viên phụ trách các nhãn hàng quốc tế

Nhóm 2: Làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước:

+ Làm tại các cơ quan đại diện thương mại Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức thương mại quốc tế: Bộ phận phát triển thương mại quốc tế, tham tán thương mại, tùy viên thương mại;

+ Làm tại các cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương và địa phương: Làm ở các vị trí như hoạch định chính sách thương mại, quản lý khối các doanh nghiệp thương mại

Nhóm 3: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu: Làm tại các viện nghiên cứu các trường đại học, cao đẳng: Giảng dạy và nghiên cứu các lĩnh vực thương mại.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

UNETI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**											
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về kinh doanh thương mại, thương mại điện tử, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các công việc chuyên môn lĩnh vực kinh doanh thương mại bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại trong bối cảnh nền kinh tế số.	X											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của lĩnh vực kinh doanh thương mại để thực hiện, thiết kế, vận hành, đánh giá/cải tiến hoạt động kinh doanh thương mại trong nền kinh tế, đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp, đơn vị, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.		X	X	X								
PO3	Có khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả; đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường làm việc đa dạng và số hóa.					X	X	X					

PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu, mô hình hóa và đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động kinh doanh thương mại.								X	X	X		
PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											X	X

UNETI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *57 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *32 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT,TH/TL,Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	6. Triết học Mac - Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	7. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	8. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	9. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	10. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	2. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**6**		
002967	1. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHUD	1	(15, 0, 30)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
002378	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUD	3	(39, 12, 90)	x
001102	3. Xác suất thống kê	KHUD	3	(39, 12, 90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002129	1. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
002151	2. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
002239	3. Kỹ năng nghề nghiệp - KDTM	TM	1	(15, 0, 30)	x
002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHUD	1	(15, 0, 30)	
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**28**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		***21***		
000564	26. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	27. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000681	28. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001201	29. Quản trị học	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001337	30. Luật thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
001269	31. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001334	32. Kinh tế thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
001109	33. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	2.1.2. Kiến thức tự chọn: Chọn 3 trong các học phần		***7***		
	Tự chọn 1(Chọn 1 học phần)				
001717	33a. Kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(39,12,90)	
001104	33b. Marketing căn bản	QT&Mar	3	(39, 12, 90)	x
	Tự chọn 2(Chọn 1 học phần)				
000456	34a. Kinh tế đầu tư	TM	2	(26,8,60)	
000566	34b. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26,8,60)	x
	Tự chọn 3(Chọn 1 học phần)				
000563	35b. Kinh tế quốc tế	TM	2	(26,8,60)	
000519	35b. Văn hóa Kinh doanh	TM	2	(26, 8, 60)	x
	Tự chọn 4 (Chọn 1 học phần)				
001423	36a. Quản lý quan hệ khách hàng	TM	3	(39,12,90)	
001714	36b. Quản trị doanh nghiệp thương mại	TM	3	(39,12,90)	
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		**45**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**30**		
001390	37. Kỹ thuật dự báo thị trường	TM	3	(39,12,90)	x
002373	38. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	TM	2	(0,60,60)	x
003476	39. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(39,12,90)	x
001370	40. Quản trị chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
003284	41. Nghiệp vụ bán hàng	TM	2	(26,8,60)	x
001388	42. Quản trị tài chính trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
001389	43. Phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
001288	44. Thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
002691	45. Thực hành phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM	TM	2	(0,60,60)	x
003477	46. Thực hành nghiệp vụ XNK_TM	TM	3	(0,90,90)	x
003285	47. Thực hành nghiệp vụ bán hàng	TM	3	(0,90,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		**15**		
	Tự chọn 1(Chọn 1 học phần)				

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001715	48a. Hệ thống thông tin quản lý	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001699	48b. Phát triển hệ thống thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	
	Tự chọn 2(Chọn 1 học phần)				
001116	49a. Phân tích tài chính doanh nghiệp	QT&MAR	3	(39,12,90)	
002061	49b. Nghiệp vụ hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 3(Chọn 1 học phần)				
001713	50a. Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	QT&MAR	3	(39,12,90)	
002690	50b. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 4(Chọn 1 học phần)				
001387	51a. Tin ứng dụng trong KDTM	TM	3	(0,90,90)	x
003286	51b. Thực hành quản trị doanh nghiệp thương mại	TM	3	(0,90,90)	
	Tự chọn 5(Chọn 1 học phần)				
001475	52a. Logistics	TM	3	(39,12,90)	x
002354	52b. Quản trị kho	TM	3	(39,12,90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Modun)*		***25***		
	2.3.1. ***Modun 1****: Kinh doanh thương mại*		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		***22***		
001707	53a. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong DNTM	TM	2	(0,120,0)	x
003287	54a. Quản lý mua hàng	TM	3	(39,12,90)	x
003288	55a. Tiếp thị thương mại	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		***3***		
001425	56a1. Thực hành Quản trị tài chính trong DNTM	TM	3	(0,90,90)	x
003289	56a2. Thực hành quản lý quan hệ KH	TM	3	(0,90,90)	
001877	**57a. Thực Tập Cuối Khóa**	TM	5	(0/300/0)	x
001875	**58a. Khóa luận tốt nghiệp**	TM	9	(0/540/0)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003290	59a. CĐ1: Kinh doanh số	TM	3	(39,12,90)	x
003292	60a. CĐ2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
003291	61a. CĐ3: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.2. ***Modun 2****: Thương mại điện tử*		**25**		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		***22***		
002084	53b. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh TMĐT	TM	2	(0,120,0)	x
002692	54b. Quản trị bán lẻ điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
001702	55b. Thanh toán điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		***3***		
001703	56b1. Khai thác dữ liệu trên mạng Internet	TM	3	(39,12,90)	x
001602	56b2. Logistics trong thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	
001877	**57b. Thực Tập Cuối Khóa**	TM	5	(0/300/0)	x
001875	**58b. Khóa luận tốt nghiệp**	TM	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003290	59b. CĐ1: Kinh doanh số	TM	3	(39,12,90)	x
003292	60b. CĐ2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
003291	61b. CĐ3: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1. ***Modun 3****: Kinh doanh quốc tế*		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		**22**		
002369	53c. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	TM	2	(0,120,0)	x
002440	54c. Kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
002060	55c. Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		**3**		
003293	56c1. Thực hành nghiệp vụ TTQT	TM	3	(39,12,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
002415	56c2. Quản lý rủi ro trong kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	
001877	**57c. Thực Tập Cuối Khóa**	TM	5	(0/300/0)	**x**
001875	**58c. Khóa luận tốt nghiệp**	TM	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003290	59c. CĐ1: Kinh doanh số	TM	3	(39,12,90)	x
003292	60c. CĐ2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
003291	61c. CĐ3: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1. ***Modun 4****: Luật thương mại*		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		**22**		
003294	53d. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	TM	2	(0,120,0)	x
003295	54d. Luật cạnh tranh	TM	3	(39,12,90)	x
003296	55d. Pháp luật hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		**3**		
003297	56d1. Luật môi trường	TM	*3*	(0,90,90)	
003298	56d2. Luật thuế	TM	3	(0,90,90)	x
001877	**57d. Thực Tập Cuối Khóa**	TM	5	(0/300/0)	**x**
001875	**58d. Khóa luận tốt nghiệp**	TM	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	59d. CĐ1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(39,12,90)	x
003299	60d. CĐ2: Thuế và nghiệp vụ hải quan của doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
003291	61d. CĐ3: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.

✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.

- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Kinh doanh thương mại
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Kinh doanh thương mại
Mã số: 7340121
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng từ khóa 20)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về kinh doanh thương mại, thương mại điện tử, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các công việc chuyên môn lĩnh vực kinh doanh thương mại bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại trong bối cảnh nền kinh tế số.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của lĩnh vực kinh doanh thương mại để thực hiện, thiết kế, vận hành, đánh giá/cải tiến hoạt động kinh doanh thương mại trong nền kinh tế, đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp, đơn vị, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.

PO3: Ứng dụng hiệu quả năng lực số, vận dụng tư duy phản biện, phát huy khả năng làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề phức tạp trong hoạt động kinh doanh thương mại.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu, mô hình hóa và đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động kinh doanh thương mại.

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; đồng thời tuân thủ đạo đức

nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh doanh thương mại có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			**Thang Bloom**
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại tại doanh nghiệp, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện các quy trình nghiệp vụ chuyên môn ngành kinh doanh thương mại trong doanh nghiệp, tuân thủ các nguyên lý chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế để tổ chức hoạt động kinh doanh**	**3**
		PI 2.1 Áp dụng các nguyên lý kinh tế học trong lĩnh vực kinh doanh để đánh giá các tác động của các yếu tố thị trường đến cung cầu hàng hóa và dịch vụ	3
		PI 2.2 Áp dụng kiến thức về khoa học quản lý và marketing để giải quyết các vấn đề về tổ chức bộ máy và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp	3
3	**PLO3**	Áp dụng hệ thống kiến thức cốt lõi về quản lý kinh doanh, nghiệp vụ kinh doanh thương mại để tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh hiệu quả.	**3**
		PI 3.1. Áp dụng các kiến thức về quản lý kinh doanh để tổ chức hoạt động kinh doanh một cách tối ưu.	3
		PI 3.2. Áp dụng các kiến thức về nghiệp vụ kinh doanh thương mại để tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh hiệu quả	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
4		**Định hướng đào tạo:Kinh doanh thương mại (modul 1)**	**4**
	PLO4.01	Phân tích chuyên sâu và đề xuất các giải pháp quản lý trong lĩnh vực kinh doanh thương mại	**4**
		PI 4.1.01: Xây dựng kế hoạch chuẩn bị nguồn hàng, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp để đáp ứng yêu cầu thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp	4
		PI 4.2.01: Phân tích các kiến thức về tiếp thị thương mại, phát triển quan hệ khách hàng để cải tiến các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	4
		Định hướng đào tạo:Thương mại điện tử (modul 2)	
	PLO4.02	Phân tích chuyên sâu và đề xuất các giải pháp quản lý trong lĩnh vực thương mại điện tử	4
		PI 4.1.02: Xây dựng kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử, đề xuất giải pháp tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động quản trị bán lẻ điện tử	4
		PI 4.2.02: Thiết kế và sử dụng hiệu quả các công cụ kinh doanh hiện đại trong lĩnh vực thương mại điện tử	4
		Định hướng đào tạo: Kinh doanh quốc tế (modul 3)	
	PLO4.03	Phân tích chuyên sâu và đề xuất các giải pháp quản lý trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế	4
		PI 4.1.03: Xây dựng kế hoạch kinh doanh quốc tế, đề xuất giải pháp tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế	4
		PI 4.2.03: Phân tích môi trường kinh doanh quốc tế, các nghiệp vụ trong kinh doanh quốc tế để đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.	4
		Định hướng đào tạo: Luật thương mại (modul 4)	
	PLO4.04	Phân tích các kiến thức về pháp luật thương mại trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động kinh	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		doanh của doanh nghiệp đáp ứng đúng các quy định hiện hành của nhà nước	
		PI 4.1.04: Phân tích các quy phạm pháp luật về cạnh tranh, về môi trường để điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật	4
		PI 4.2.04: Phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về thuế, hải quan điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật	4
Kỹ năng chung			**Thang Dave**
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, tinh thần khởi nghiệp và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1 Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2 Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp** tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời **sử dụng thành thạo** công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1. **Vận dụng** tư duy STEM tích hợp năng lực số và trí tuệ nhân tạo (AI) vào việc xây dựng phương án giải quyết các nghiệp vụ kinh doanh.	3
		PI 6.2. **Sử dụng thành thạo các** phần mềm chuyên dụng về quản lý bán hàng, quản lý nguồn lực doanh để thực hiện và tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	Thực hiện thành thạo việc đánh giá, phân tích, thực tế kinh doanh để đề xuất các giải pháp cải tiến hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	3
		PI 8.1: Phân tích dữ liệu và bối cảnh kinh doanh để xác định nguyên nhân các vấn đề phát sinh trong kinh doanh làm cơ sở để đề xuất các giải pháp cải tiến hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	3
		PI 8.2 Xây dựng kế hoạch kinh doanh, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	3
9	**PLO9**	**Tổ chức thực hiện các hoạt động bán hàng, hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại**	3
		PI 9.1: Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ bán hàng nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	3
		PI 9.2: Thực hiện thành thạo kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh doanh, tổ chức thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp thương mại.	3
		Định hướng đào tạo: Kinh doanh thương mại (modul 1)	
10	**PLO10.01**	**Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực kinh doanh thương mại**	**4**
		PI 10.1.01: Thực hiện thành thạo các kỹ năng hoạch định kinh doanh, đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp, và đàm phán hợp đồng mua hàng trong kinh doanh thương mại	4
		PI 10.2.01: Vận hành thành thạo các nghiệp vụ kinh doanh trong thương mại điện tử, quản lý tài chính trên các nền tảng công nghệ hiện đại.	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		Định hướng đào tạo: Thương mại điện tử (modul 2)	
	PLO10.02	**Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực thương mại điện tử**	**4**
		PI 10.1.02: Thực hiện thành thạo các kỹ năng thiết kế và triển khai công cụ kinh doanh hiện đại	4
		PI 10.2.02: Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ kinh doanh trong thương mại điện tử, các kỹ năng bán hàng, thanh toán trên các nền tảng công nghệ hiện đại.	4
		Định hướng đào tạo: Kinh doanh quốc tế (modul 3)	
	PLO10.03	**Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực kinh doanh quốc tế**	**4**
		PI 10.1.03: Thực hiện thành thạo các kỹ năng hoạch định, quản lý rủi ro và đàm phán hợp đồng kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế	4
		PI 10.2.03: Vận hành thành thạo các kỹ năng xây dựng và phát triển thương hiệu trong môi trường kinh doanh quốc tế	4
		Định hướng đào tạo: Luật thương mại(modul 4)	
	PLO10.04	**Giải quyết các sự kiện pháp lý phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan đến các qui định tại luật cạnh tranh, luật mô trường, luật thuế, luật hải quan hiện hành**	**4**
		PI 10.1.04: Giải quyết tốt các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh đảm bảo tuân thủ các quy định về Pháp luật cạnh tranh, về môi trường	4
		PI 10.2.04: Giải quyết các sự kiện pháp lý phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan đến các qui định tại luật thuế, luật hải quan	4
Mức tự chủ trách nhiệm			**Thang Krathwohl**
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**
		PI 12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, và an toàn lao động trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI 12.2. Chịu trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

+ Quản trị viên thương mại, vị trí trong bộ phận kinh doanh, quản lý kinh doanh, quản lý khách hàng, điều hành kinh doanh, kinh doanh xuất nhập khẩu, phát triển thị trường, bộ phận kho vận;

+Làm tại các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Quản lý và giám sát bán hàng, bộ phận nghiên cứu và phát triển;

+Chuyên viên kinh doanh tại các công ty đa quốc gia; Chuyên viên tại các công ty kinh doanh ngoại tệ; Chuyên viên phụ trách các nhãn hàng quốc tế

Nhóm 2: Làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước:

+ Làm tại các cơ quan đại diện thương mại Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức thương mại quốc tế: Bộ phận phát triển thương mại quốc tế, tham tán thương mại, tùy viên thương mại;

+ Làm tại các cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương và địa phương: Làm ở các vị trí như hoạch định chính sách thương mại, quản lý khối các doanh nghiệp thương mại

Nhóm 3: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu: Làm tại các viện nghiên cứu các trường đại học, cao đẳng: Giảng dạy và nghiên cứu các lĩnh vực thương mại.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

UNETI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**											
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về kinh doanh thương mại, thương mại điện tử, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các công việc chuyên môn lĩnh vực kinh doanh thương mại bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại trong bối cảnh nền kinh tế số.	X											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của lĩnh vực kinh doanh thương mại để thực hiện, thiết kế, vận hành, đánh giá/cải tiến hoạt động kinh doanh thương mại trong nền kinh tế, đồng thời có năng lực cơ bản về quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp, đơn vị, phù hợp nguyên lý và tiêu chuẩn chuyên môn.		X	X	X								
PO3	Có khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện, và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả; đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường làm việc đa dạng và số hóa.					X	X	X					

PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu, mô hình hóa và đưa ra các giải pháp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động kinh doanh thương mại.								X	X	X		
PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											X	X

UNETI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *57 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *32 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
00573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**5**		
002967	1.Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
003283	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUD	2	(24,12,60)	x
001351	3. Xác suất thống kê	KHUD	2	(24,12,60)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**4**		
002129	1. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
002151	2. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
002239	3. Kỹ năng nghề nghiệp - KDTM	TM	1	(15, 0, 30)	x
002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**28**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		***18***		
000564	26. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	27. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000681	28. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001201	29. Quản trị học	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001337	30. Luật thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
001269	31. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001334	32. Kinh tế thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn: Chọn 4 trong các học phần		***10***		
	Tự chọn 1 (Chọn 1 học phần)				
001717	33a. Kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(39,12,90)	
001104	33b. Marketing căn bản	QT&Mar	3	(39, 12, 90)	x
	Tự chọn 2(Chọn 1 học phần)				
000456	34a. Kinh tế đầu tư	TM	2	(26,8,60)	
000566	34b. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26,8,60)	x
	Tự chọn 3 (Chọn 1 học phần)				
000563	35b. Kinh tế quốc tế	TM	2	(26,8,60)	
000519	35b. Văn hóa Kinh doanh	TM	2	(26, 8, 60)	x
	Tự chọn 4 (Chọn 1 học phần)				
001423	36a. Quản lý quan hệ khách hàng	TM	3	(39,12,90)	x
001714	36b. Quản trị doanh nghiệp thương mại	TM	3	(39,12,90)	
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		**45**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**30**		
001390	37. Kỹ thuật dự báo thị trường	TM	3	(39,12,90)	x
002373	38. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	TM	2	(0,60,60)	x
003476	39. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(39,12,90)	x
001370	40. Quản trị chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
003284	41. Nghiệp vụ bán hàng	TM	2	(26,8,60)	x
001388	42. Quản trị tài chính trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
001389	43. Phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
001288	44. Thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
002691	45. Thực hành phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM	TM	2	(0,60,60)	x
003477	46. Thực hành nghiệp vụ XNK_TM	TM	3	(0,90,90)	x
003285	47. Thực hành nghiệp vụ bán hàng	TM	3	(0,90,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		**15**		
	Tự chọn 1(Chọn 1 học phần)				
001715	48a. Hệ thống thông tin quản lý	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001699	48b. Phát triển hệ thống thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	
	Tự chọn 2 (Chọn 1 học phần)				
001116	49a. Phân tích tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
002061	49b. Nghiệp vụ hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 3(Chọn 1 học phần)				
001713	50a. Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	TM	3	(39,12,90)	
002690	50b. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 4 (Chọn 1 học phần)				
001387	51a. Tin ứng dụng trong KDTM	TM	3	(0,90,90)	x
003286	51b. Thực hành quản trị doanh nghiệp thương mại	TM	*3*	(0,90,90)	
	Tự chọn 5 (Chọn 1 học phần)				
001475	52a. Logistics	TM	3	(39,12,90)	x
002354	52b. Quản trị kho	TM	3	(39,12,90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Modun)*		***25***		
	2.3.1. ***Modun 1****: Kinh doanh thương mại*		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		***22***		
001707	53a. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong DNTM	TM	2	(0,120,0)	x
003287	54a. Quản lý mua hàng	TM	3	(39,12,90)	x
003288	55a. Tiếp thị thương mại	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		***3***		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001425	56a1. Thực hành Quản trị tài chính trong DNTM	TM	3	(0,90,90)	x
003289	56a2. Thực hành quản lý quan hệ KH	TM	3	(0,90,90)	
001877	**57a. Thực Tập Cuối Khóa**	TM	5	(0/300/0)	x
001875	**58a. Khóa luận tốt nghiệp**	TM	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003290	59a. CĐ1: Kinh doanh số	TM	3	(39,12,90)	x
003292	60a. CĐ2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
003291	61a. CĐ3: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	*2.3.2. **Modun 2**: Thương mại điện tử*		**25**		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		***22***		
002084	53b. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh TMĐT	TM	2	(0,120,0)	x
002692	54b. Quản trị bán lẻ điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
001702	55b. Thanh toán điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		***3***		
001703	56b1. Khai thác dữ liệu trên mạng Internet	TM	3	(39,12,90)	x
001602	56b2. Logistics trong thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	
001877	**57b. Thực Tập Cuối Khóa**	TM	5	(0/300/0)	x
001875	**58b. Khóa luận tốt nghiệp**	TM	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003290	59b. CĐ1: Kinh doanh số	TM	3	(39,12,90)	x
003292	60b. CĐ2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
003291	61b. CĐ3: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	*2.3.1. **Modun 3**: Kinh doanh quốc tế*		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		**22**		
002369	53c. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	TM	2	(0,120,0)	x
002440	54c. Kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
002060	55c. Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		**3**		
003293	56c1. Thực hành nghiệp vụ TTQT	TM	3	(39,12,90)	x
002415	56c2. Quản lý rủi ro trong kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	
001877	**57c. Thực Tập Cuối Khóa**	TM	5	(0/300/0)	**x**

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001875	**58c. Khóa luận tốt nghiệp**	TM	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003290	59c. CĐ1: Kinh doanh số	TM	3	(39,12,90)	x
003292	60c. CĐ2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
003291	61c. CĐ3: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1. ***Modun 4****: Luật thương mại*		***25***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		**22**		
003294	53d. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	TM	2	(0,120,0)	x
003295	54d. Luật cạnh tranh	TM	3	(39,12,90)	x
003296	55d. Pháp luật hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		**3**		
003297	56d1. Luật môi trường	TM	*3*	(0,90,90)	
003298	56d2. Luật thuế	TM	3	(0,90,90)	x
001877	**57d. Thực Tập Cuối Khóa**	TM	5	(0/300/0)	**x**
001875	**58d. Khóa luận tốt nghiệp**	TM	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	59d. CĐ1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(39,12,90)	x
003299	60d. CĐ2: Thuế và nghiệp vụ hải quan của doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
003291	61d. CĐ3: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.

✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...

- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long